

**UỶ BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN MINH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KTTH

Minh Long, ngày tháng 02 năm 2025

Về việc phối hợp, tổng hợp  
báo cáo thực hiện chính sách  
pháp luật về bảo vệ môi trường

Kính gửi:

- Các phòng: TNMT, TC-KH, TP, NN&PTNT, VH-TT, KT-HT, YT;
- Ban QLDA&TXD và PTQĐ.
- UBND 5 xã.

Thực hiện Công văn số 579/STNMT-MT ngày 17/02/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường, về việc báo cáo việc thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường.

Để có đầy đủ thông tin, số liệu UBND huyện báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo đến Đoàn giám sát của Quốc hội. UBND huyện đề nghị các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp thực hiện bằng văn bản báo cáo đến Phòng Tài nguyên và Môi trường trước ngày **25/02/2025** (theo đề cương báo cáo của Đoàn giám sát kèm theo).

Giao phòng Tài nguyên và Môi trường đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo; tổng hợp, tham mưu UBND huyện báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày **01/3/2025**.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- VPHĐND&UBND: CVP, PCVP;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đinh Thị Xuân Hương**

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN  
CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KỂ TỪ KHI  
LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2020 CÓ HIỆU LỰC**  
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 688/KH-ĐGS ngày 23/01/2025  
của Đoàn giám sát)

Thực hiện Nghị quyết số 131/2024/QH15 ngày 21/6/2024 của Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường kể từ khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành”, Đoàn giám sát đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường kể từ khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực trên địa bàn tỉnh, thành phố, trong đó cần tập trung xem xét, đánh giá một số nội dung chủ yếu sau đây:

**PHẦN I  
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ XÂY DỰNG, BAN HÀNH, HOÀN THIỆN  
CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT THỰC HIỆN LUẬT BẢO VỆ  
MÔI TRƯỜNG NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ**

**I. Tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường của chính quyền địa phương**

- Việc xây dựng, ban hành hoặc trình HĐND cùng cấp ban hành văn bản quy phạm pháp luật về BVMT (các văn bản ban hành để quy định chi tiết Luật BVMT; các văn bản ban hành theo thẩm quyền):

Nêu rõ số lượng, danh mục các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đến thời điểm báo cáo so với yêu cầu cần thiết ban hành; số lượng, danh mục các văn bản, chính sách pháp luật triển khai Luật BVMT năm 2020 chưa được ban hành thuộc trách nhiệm của chính quyền địa phương theo quy định của Luật BVMT năm 2020.

- Việc tổ chức rà soát, sửa đổi văn bản pháp luật có liên quan đến Luật Bảo vệ môi trường theo lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công.

- Việc ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương, định mức kinh tế - kỹ thuật về BVMT.

- Việc xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án để triển khai thực hiện Luật BVMT năm 2020, Chiến lược BVMT quốc gia, Quy hoạch BVMT quốc gia. Nêu rõ số lượng, danh mục các văn bản phê duyệt chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về BVMT.

**II. Đánh giá công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường**

**1. Đánh giá kết quả các văn bản đã ban hành**

- Đánh giá việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật:
  - + Tính hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất của chính sách với hệ thống pháp luật (mức độ đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, tuân thủ các quy định văn bản pháp luật cấp cao hơn).
  - + Tính đầy đủ (các quy định pháp luật còn thiếu).
  - + Tính kịp thời (thời gian ban hành, quá trình sửa đổi, bổ sung có kịp thời theo yêu cầu, quy định).
  - + Tính khả thi khi áp dụng các văn bản vào thực tiễn.
- Đánh giá việc ban hành các chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về BVMT.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

Đánh giá tồn tại, hạn chế (về tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất, đầy đủ, kịp thời, khả thi, cơ chế khuyến khích, hỗ trợ); kèm theo các phụ lục về kết quả cụ thể; nội dung vướng mắc, tồn tại, hạn chế cụ thể trong:

- Luật BVMT và các pháp luật khác có liên quan.
- Văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các văn bản pháp luật về BVMT.

Xác định rõ những nội dung giao quy định chi tiết trong luật mà chưa ban hành văn bản quy định chi tiết; những văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật (nếu có)...

- Các khó khăn, vướng mắc do văn bản quy phạm pháp luật bất cập ảnh hưởng đến công tác BVMT.

## **3. Nguyên nhân**

- Nguyên nhân khách quan.
- Nguyên nhân chủ quan.

## **4. Trách nhiệm của cơ quan, cá nhân có liên quan**

# **PHẦN II**

## **TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ**

### **I. Kết quả đạt được**

- Đánh giá toàn diện, khách quan việc triển khai, thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT; trong đó nêu rõ các kết quả thực hiện, mức độ đạt được theo các mục tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ đề ra với đầy đủ thông tin, số liệu.

- Nội dung cần bám sát các quy định của Luật BVMT, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật BVMT, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án có liên quan.

*Các lĩnh vực và nội dung trọng tâm báo cáo gồm:*

## **1. Về bố trí và sử dụng nguồn lực cho bảo vệ môi trường**

### ***1.1. Về bố trí và sử dụng ngân sách nhà nước cho công tác BVMT:***

- Quy trình hướng dẫn, tổng hợp, phân bổ kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường của địa phương; Việc ban hành các văn bản về hướng dẫn, tổng hợp, phân bổ kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường ở địa phương; cơ chế bố trí, phân bổ ngân sách cho hoạt động BVMT.

- Tình hình bố trí ngân sách của địa phương dành cho công tác BVMT từng năm từ 2022 đến 2024. Trong đó làm rõ từng nguồn ngân sách chi cho công tác BVMT (ngân sách chi thường xuyên, ngân sách đầu tư phát triển, xã hội hóa); so sánh, đánh giá với số liệu giai đoạn 2016-2021.

- Nội dung chi hàng năm cho công tác BVMT theo từng nguồn ngân sách.

- Đánh giá, làm rõ việc bố trí, sử dụng ngân sách nhà nước cho công tác BVMT đáp ứng được cho yêu cầu BVMT hiện nay và trong thời gian tới theo yêu cầu của Luật BVMT năm 2020, các mục tiêu trong Chiến lược, Kế hoạch, Quy hoạch về BVMT đã đề ra (Trong đó đánh giá, so sánh tỷ lệ chi từ nguồn ngân sách sự nghiệp bảo vệ môi trường với tổng chi ngân sách nhà nước của địa phương).

### ***1.2. Về sử dụng nguồn lực từ huy động xã hội hóa cho BVMT***

Việc huy động xã hội hóa cho công tác BVMT từng năm từ 2022 đến 2024; các nội dung BVMT sử dụng từ nguồn lực xã hội hóa. Đánh giá tính hiệu quả và lợi ích mang lại cho công tác BVMT từ nguồn lực xã hội hóa; so sánh, đánh giá với số liệu giai đoạn 2016 - 2021.

### ***1.3. Về sử dụng công cụ kinh tế cho công tác BVMT***

- Thống kê tổng số thuế, phí về BVMT, tín dụng xanh, trái phiếu xanh... từ các năm và giai đoạn 2016 đến 2021 và từng năm từ 2022 đến 2024.

- Đánh giá khó khăn, vướng mắc hiện nay về cơ chế quản lý và sử dụng thuế, phí BVMT, tín dụng xanh, trái phiếu xanh.

### ***1.4. Về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và nhân lực cho công tác BVMT***

Đánh giá khái quát bộ máy quản lý nhà nước, cơ cấu tổ chức cho công tác BVMT. Đánh giá sự phù hợp của cơ cấu tổ chức, trình độ nhân sự về công tác BVMT so với chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định trong Luật BVMT năm 2020.

### ***1.5. Về tổ chức và hoạt động của quỹ BVMT cấp tỉnh (nếu có)***

Đánh giá khái quát về tổ chức, hiệu quả hoạt động của quỹ BVMT cấp tỉnh; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

## **2. Về triển khai các chính sách, pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường**

- Đánh giá nội dung BVMT trong quy hoạch tỉnh; việc lồng ghép nội dung BVMT di sản thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu trong quy hoạch tỉnh. Đánh giá tình hình, kết quả việc thực hiện các nội dung về BVMT trong quy hoạch tỉnh đến thời điểm báo cáo.

- Đánh giá thủ tục hành chính, việc lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện ĐTM. Những khó khăn, vướng mắc liên quan đến ĐTM ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án đầu tư (nếu có).

- Việc thẩm định, cấp giấy phép môi trường và các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

### **3. Về triển khai các chính sách, pháp luật về kiểm soát ô nhiễm**

#### **3.1. Về kiểm soát ô nhiễm**

- Về kiểm soát ô nhiễm đối với Khu/cụm công nghiệp (KCN/CCN) và làng nghề:

+ Thống kê, làm rõ số lượng các KCN/CCN, làng nghề đã có hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu BVMT, so sánh tỷ lệ các KCN/CCN, làng nghề đầu tư xây dựng hạ tầng BVMT, có hệ thống xử lý nước thải tập trung đáp ứng yêu cầu tăng lên so với trước khi Luật BVMT năm 2020 có hiệu lực (so sánh sự tăng, giảm số liệu của năm 2021 đến nay).

+ Tổng lượng nước thải phát sinh, chất lượng xả thải của KCN/CCN.

+ Đánh giá tỷ lệ các KCN/CCN lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục; truyền dữ liệu theo quy định (trước và sau khi Luật có hiệu lực).

+ Tình hình thực hiện chính sách pháp luật về BVMT của các đơn vị thứ cấp trong KCN/CCN.

+ Báo cáo về kế hoạch và lộ trình để yêu cầu các KCN/CCN, làng nghề hoàn thành xây dựng hạ tầng BVMT theo yêu cầu của Luật BVMT năm 2020.

+ Đánh giá việc chấp hành, tuân thủ pháp luật về BVMT của KCN/CCN, làng nghề.

- Về kiểm soát ô nhiễm đối với nguồn thải, nguồn ô nhiễm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (ONMT) cao.

+ Thống kê số lượng các cơ sở có nguy cơ gây ONMT cao được giám sát, kiểm soát theo kế hoạch của các địa phương. Đánh giá kết quả đạt được trong công tác giám sát, kiểm soát ô nhiễm đối với nguồn thải, nguồn ô nhiễm có nguy cơ gây ONMT cao của địa phương trong thời gian qua; so sánh, đánh giá tính tuân thủ pháp luật của các các nguồn thải, nguồn ô nhiễm có nguy cơ gây ONMT cao so với thời điểm trước khi Luật BVMT năm 2020 có hiệu lực thi hành.

+ Đánh giá những khó khăn, bất cập và xác định nguyên nhân, trách nhiệm trong việc kiểm soát các nguồn thải, nguồn ô nhiễm có nguy cơ gây ONMT cao trong thời gian qua.

+ Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện các hình thức, phương thức kiểm soát ô nhiễm nguồn thải, nguồn ô nhiễm có nguy cơ gây ONMT cao (thông qua hệ thống quan trắc tự động, liên tục; thông tin báo chí; phản ánh, kiến nghị của người dân;...).

### **3.2. Về kiểm soát chất lượng môi trường**

#### *- Kiểm soát chất lượng môi trường nước*

+ Thông kê, đánh giá việc xây dựng, ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng nước mặt; tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng nước mặt sau khi đã được ban hành.

+ Đánh giá chất lượng môi trường nước tại một số lưu vực sông (LVS) đang bị ô nhiễm (Hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải và các LVS Cầu, Nhuệ - Đáy, Sài Gòn - Đồng Nai... trên địa bàn) và chất lượng nước tại LVS khác, các sông, hồ liên tỉnh, nội tỉnh hiện nay (đã được đánh giá sức chịu tải); đánh giá và đưa ra các LVS, hồ hoặc các đoạn sông trên LVS đang bị ô nhiễm; mức độ ô nhiễm; nguyên nhân ô nhiễm và kế hoạch khắc phục.

+ Đánh giá hiệu quả của các công trình, biện pháp BVMT nhằm khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường nước mặt cần tiếp tục đầu tư trong thời gian tới; đặc biệt là việc đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải (có số liệu cụ thể).

+ Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện (nguồn lực cho hoạt động đánh giá sức chịu tải, xây dựng, thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt...).

#### *- Kiểm soát chất lượng môi trường không khí*

+ Việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện trách nhiệm quản lý, kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn tỉnh/thành phố theo các quy định tại Luật BVMT, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Quyết định số 1973/QĐ-TTg và Chỉ thị số 03/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đánh giá khái quát việc triển khai các quy định này (kết quả đạt được, hạn chế).

+ Xây dựng và ban hành các văn bản, chính sách và kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo.

+ Đánh giá chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh, thành phố trước và sau khi thực hiện Luật BVMT (sự tăng, giảm số ngày có chất lượng môi trường không khí từ mức xấu trở lên/năm).

+ Khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện (nguồn lực cho hoạt động kiểm kê các nguồn khí thải gây ô nhiễm môi trường không khí; nguồn lực đầu tư cho các trạm quan trắc tự động theo quy hoạch được phê duyệt).

### **4. Về thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường (theo quy định tại Điều 168 của Luật Bảo vệ môi trường)**

#### **5. Về công tác quản lý chất thải**

### **5.1. Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt**

- Phân tích, làm rõ trách nhiệm về quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) của địa phương (UBND cấp tỉnh) theo quy định của Luật BVMT năm 2020.

- Kết quả thực hiện trách nhiệm của địa phương (UBND cấp tỉnh) về quản lý CTRSH theo quy định của Luật BVMT năm 2020.

+ Ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản về quản lý CTRSH (bao gồm cả kế hoạch quản lý CTRSH; phân loại CTRSH tại hộ gia đình, cá nhân; định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH).

+ Kết quả thực hiện quy hoạch đối với việc xây dựng các nhà máy xử lý rác trên địa bàn.

+ Đầu tư nguồn lực (nhân lực, kinh phí) cho công tác quản lý CTRSH; hạ tầng kỹ thuật về thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH sau phân loại và việc đáp ứng so với nhu cầu của thực tiễn.

+ Thực trạng công tác phân loại CTRSH tại hộ gia đình, cá nhân; đánh giá việc thực hiện phân loại CTRSH theo quy định của Luật BVMT năm 2020.

+ Hiện trạng phát sinh, thu gom, xử lý CTRSH khu vực đô thị, khu vực nông thôn từ sau khi Luật BVMT năm 2020 có hiệu lực thi hành. Đánh giá tỷ lệ thu gom, xử lý CTRSH so với giai đoạn trước khi Luật BVMT năm 2020 có hiệu lực thi hành. Việc kiểm soát ô nhiễm đối với các khu tập kết, trung chuyển và xử lý rác thải (các bãi rác) của địa phương.

+ Thực trạng tình hình và kết quả giải quyết các bãi rác tạm thời trên địa bàn (nếu có).

+ Hiện trạng áp dụng công nghệ xử lý CTRSH (chôn lấp, đốt, sản xuất mùn, công nghệ khác); kết quả thực hiện các chỉ tiêu quốc gia về quản lý CTRSH trên phạm vi toàn quốc.

+ Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về quản lý CTRSH; hướng dẫn, đôn đốc, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra về công tác quản lý CTRSH nói chung, chấp hành pháp luật về BVMT của các đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH.

- Phân tích, làm rõ những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý CTRSH.

### **5.2. Về quản lý nước thải đô thị**

- Phân tích, làm rõ hiện trạng, việc đầu tư nguồn lực (nhân lực, kinh phí), áp dụng công nghệ, kết quả thực hiện trách nhiệm về quản lý nước thải đô thị theo quy định của Luật BVMT năm 2020, trong đó phân tích về tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý.

- Phân tích, làm rõ những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý nước thải đô thị gắn với trách nhiệm cụ thể.

### **5.3. Về quản lý chất thải trong hoạt động nông nghiệp, y tế, giao thông vận tải và xây dựng**

- Phân tích, làm rõ hiện trạng, việc đầu tư nguồn lực (nhân lực, kinh phí), áp dụng công nghệ, kết quả thực hiện trách nhiệm về quản lý chất thải trong hoạt động nông nghiệp, y tế, giao thông vận tải và xây dựng theo quy định của Luật BVMT năm 2020.

- Phân tích, làm rõ những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý chất thải trong hoạt động nông nghiệp, y tế, giao thông vận tải và xây dựng gắn với trách nhiệm cụ thể của cơ quan, tổ chức có liên quan.

### **5.4. Về quản lý một số loại chất thải đặc thù**

Thực trạng, dự báo phát sinh, biện pháp xử lý rác thải điện tử, pin xe điện, tấm năng lượng mặt trời thải bỏ.

### **5.5. Về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải nhựa, phòng, chống ô nhiễm rác thải nhựa đại dương**

**6. Về công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về bảo vệ môi trường; đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo (phân tích, đánh giá kết quả trong 3 năm 2022 - 2024, so sánh đối chiếu với kết quả giai đoạn 2016 - 2021)**

- Công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về BVMT; kết quả xử lý sai phạm.

- Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường; kết quả xử lý sai phạm.

- Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường.

**7. Về việc tổ chức và phát triển thị trường các-bon, trong đó có nội dung trao đổi tín chỉ các-bon rừng; việc thực hiện cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và triển khai các giải pháp chống xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn các địa phương ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long**

### **7.1. Về tổ chức phát triển thị trường các-bon, trong đó có nội dung trao đổi tín chỉ các-bon rừng**

- Đánh giá tiềm năng tạo tín chỉ các-bon, trao đổi tín chỉ các-bon trên địa bàn quản lý.

- Đối với các địa phương có rừng, đánh giá việc phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định tiềm năng giảm phát thải và hấp thụ các-bon từ rừng đóng góp cho việc thực hiện mục tiêu NDC để làm cơ sở cho các hoạt động trao đổi tín chỉ các-bon rừng với các đối tác quốc tế.

- Đánh giá việc trao đổi tín chỉ các-bon rừng ra quốc tế bảo đảm việc thực hiện mục tiêu, cam kết giảm phát thải theo NDC và lợi ích quốc gia; tổ chức chia sẻ lợi ích thu được từ việc trao đổi tín chỉ các-bon rừng ra quốc tế.

### **7.2. Việc thực hiện cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**



Phân tích, đánh giá việc tuyên truyền, triển khai thực hiện các cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; sự quan tâm đầu tư nguồn lực của địa phương trong triển khai thực hiện; kết quả đạt được và đề xuất, kiến nghị.

**7.3. Việc triển khai các giải pháp chống xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn các địa phương ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long (nội dung này chỉ đề nghị các địa phương khu vực đồng bằng sông Cửu Long báo cáo)**

- Phân tích đánh giá tình hình xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn; việc triển khai thực hiện công tác phòng, chống xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn, trong đó có việc triển khai các giải pháp, mô hình và chương trình, dự án cụ thể.

- Kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp cho thời gian tới.

**8. Về một số nội dung khác (như: giáo dục, truyền thông, phổ biến kiến thức; nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; hội nhập và hợp tác quốc tế; xây dựng cơ sở dữ liệu; cải cách thủ tục hành chính; BVMT trong hoạt động mai táng, hỏa táng; việc xác định ranh giới, diện tích, tổ chức quản lý các khu dự trữ sinh quyển sau khi được công nhận tại các địa phương;...)**

*Lưu ý: Từng nội dung nêu trên yêu cầu đánh giá kết quả đạt được: có số liệu, bảng biểu minh chứng cụ thể.*

**II. Tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT**

**1. Tồn tại, hạn chế**

**1.1. Về bố trí và sử dụng nguồn lực cho BVMT**

**1.2. Về triển khai các chính sách, pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường**

**1.3. Về triển khai các chính sách, pháp luật về kiểm soát ô nhiễm**

**1.4. Về thực hiện các nội dung về quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường (theo quy định tại Điều 168 của Luật Bảo vệ môi trường)**

**1.5. Về công tác quản lý chất thải**

**1.6. Về công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về BVMT và đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường**

**1.7. Về tổ chức phát triển thị trường các-bon, trong đó có nội dung trao đổi tín chỉ các-bon rừng; việc thực hiện cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và triển khai các giải pháp chống xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn các địa phương ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long**

**1.8. Về một số nội dung khác**

**2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

Làm rõ nguyên nhân đối với từng nội dung của tồn tại, hạn chế:

**2.1. Nguyên nhân khách quan**

**2.2. Nguyên nhân chủ quan**

**3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan**

**III. Đánh giá chung về tình hình thực hiện Luật BVMT năm 2020**

Đánh giá khái quát những vấn đề nổi bật nhất, bao gồm:

- Kết quả đạt được (trong đó, làm rõ mức độ kết quả đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu về môi trường của tỉnh, thành phố theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, kết quả triển khai và kế hoạch triển khai các nhiệm vụ trong các quy hoạch quốc gia<sup>1</sup>; việc kiểm soát, theo dõi chế độ báo cáo, cảnh báo về chất lượng môi trường không khí, môi trường nước, chất thải; việc ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số trong công tác bảo vệ môi trường; các mô hình điển hình tiên tiến trong BVMT).

- Tồn tại, hạn chế (trong đó nêu rõ các chính sách, quy định pháp luật gặp vướng mắc trong thực tiễn triển khai thực hiện).

- Nguyên nhân.

**PHẦN III**

**KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**I. Quan điểm, mục tiêu hoàn thiện và thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường**

**1. Bối cảnh**

Nêu rõ bối cảnh địa phương, bối cảnh trong nước, bối cảnh quốc tế có tác động đến việc triển khai các chính sách, pháp luật về BVMT trong thời gian tới, nhận diện đầy đủ thời cơ, thách thức.

**2. Quan điểm**

Nêu rõ quan điểm chung, quan điểm cụ thể trong công tác BVMT thời gian tới.

**3. Mục tiêu**

Xác định cụ thể các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể trong thời gian tới.

Lưu ý, các mục tiêu cụ thể phải có số liệu phấn đấu cụ thể, được xác định dựa trên các yêu cầu của Luật BVMT, Chiến lược BVMT quốc gia, Quy hoạch BVMT quốc gia, Quy hoạch tỉnh.

**II. Giải pháp, kiến nghị**

**1. Giải pháp**

---

<sup>1</sup> Ví dụ như Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, Quy hoạch quan trắc môi trường quốc gia. Trong đó tập trung vào quy hoạch các khu xử lý chất thải, cơ sở xử lý chất thải; các trạm quan trắc môi trường của địa phương để đáp ứng yêu cầu

### ***1.1. Về xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về BVMT***

Nêu sự cần thiết, kiến nghị, giải pháp cụ thể và đánh giá tác động, trong đó xác định rõ những văn bản quy phạm pháp luật phải sửa đổi, bổ sung. Kiến nghị lộ trình ban hành mới, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật (nếu có).

Nêu những kiến nghị giải pháp liên quan đến nội dung nâng cao hiệu quả của hoạt động kiểm tra, thanh tra về BVMT, đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường.

### ***1.2. Về tổ chức thực hiện***

a) Tăng cường nguồn lực cho BVMT (kinh phí đầu tư, nhân lực quản lý).

b) Triển khai có hiệu quả các chính sách, pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm, kiểm soát ô nhiễm (Đề xuất giải pháp thực hiện tốt công tác kiểm soát ô nhiễm đối với Khu/cụm công nghiệp và làng nghề; các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ONMT cao; kiểm soát chất lượng môi trường

c) Tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

d) Tăng cường quản lý chất thải

- Đề xuất các giải pháp quản lý tốt chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nông nghiệp, y tế, giao thông vận tải và xây dựng phát sinh.

- Đề xuất quản lý tốt nước thải đô thị phát sinh.

e) Về tổ chức phát triển thị trường các-bon, trong đó có nội dung trao đổi tín chỉ các-bon rừng; việc thực hiện cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và triển khai các giải pháp chống xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn các địa phương ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

**2. Kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT (nếu có)**

**3. Kiến nghị (trước mắt và lâu dài) đối với các cơ quan có thẩm quyền**

- Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Đối với Chính phủ, các bộ, ngành liên quan.

- Đối với các cơ quan khác.

**Phụ lục:** Các bảng biểu, số liệu, sơ đồ, biểu đồ và các tài liệu khác có liên quan./.